

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HS-ST
Ngày 01 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Trung;

Ông Phạm Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TL HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2019/QĐXXST-HS ngày 18/9/2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Đức T, sinh năm 1986 tại Hải Dương; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Th Th, xã Th C, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình Th, sinh năm 1958 và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1962 (chết); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 24/5/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Về nhân thân:

- Ngày 28/02/2012 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành án tại Trại giam Hoàng Tiến – Tổng cục VIII – Bộ Công an đến ngày 18/5/2013 được trả tự do (đã được xóa án tích).

- Ngày 14/12/2015 bị Công an huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Dương Thị Lệ C, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp Đ T, xã T L, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp V T, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3/ Bà Trần Thị Th2, sinh năm 1984; địa chỉ: Ấp A, xã P H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4/ Bà Trần Thị Th3, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

5/ Bà Trần Thị Th4, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

6/ Bà Hoàng Thị Tâm L, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

7/ Bà Lê Thị Kim L1, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

8/ Bà Lê Thị A, sinh năm 1963; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

9/ Bà Lê Kim Ng, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp V T, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

10/ Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp V T, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

11/ Bà Lâm Thị Ngọc H, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

12/ Bà Lê Thị U, sinh năm 1961; địa chỉ: Ấp T S, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

13/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: Ấp B, xã P H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

14/ Bà Trương Hoài Y, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

15/ Bà Trương Hoài T1, sinh năm 1968; địa chỉ: Ấp a, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

16/ Bà Nguyễn Thị Minh H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Ấp b, xã T H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

17/ Bà Võ Thị H2, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp V T, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

18/ Bà Đinh Thị Tuyết M, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố x, thị trấn P V, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

19/ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp B R, xã V H, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 7 năm 2017, bị cáo Lê Đức T sử dụng số tiền 100.000.000 đồng để cho người dân vay tiền với lãi suất cao trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Người vay phải photo giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu thường trú, dẫn bị cáo về biết nhà, khi vay tiền người vay không phải thế chấp tài sản, không phải làm thủ tục giấy tờ vay tiền, hàng ngày bị cáo T đến nhà của người vay hoặc điện thoại cho người vay hẹn gặp để thu tiền gốc và lãi.

Lê Đức T cho người dân vay tiền trả góp 25 ngày lãi 1%/ngày và 30%/tháng tương đương 360%/năm cao gấp 18 lần của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự, cụ thể: Vay 10.000.000 đồng, trả góp trong vòng 25 ngày, mỗi ngày góp 500.000 đồng (trong đó tiền gốc 01 ngày là 400.000 đồng, tiền lãi 01 ngày là 100.000 đồng), tổng số tiền phải trả là 12.500.000 đồng (tiền gốc 10.000.000 đồng, tiền lãi 2.500.000 đồng), ngoài ra người vay phải trả thêm phí thu số tiền 800.000 đồng cho lần vay đầu tiên, 600.000 đồng cho lần vay thứ hai. Tuy nhiên, bị cáo trừ trước số tiền 800.000 đồng phí thu, thu trước tiền gốc và lãi 02 ngày là 1.000.000 đồng, người vay tiền chỉ còn được nhận số tiền 8.200.000 đồng, trả góp trong 23 ngày còn lại, mỗi ngày 500.000 đồng, thành số tiền 12.500.000 đồng. Trong quá trình cho vay tiền góp tại địa bàn huyện Phú Giáo, bị cáo T có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, ngày 17/10/2018 bị Công an xã A B, huyện Phú Giáo lập biên bản giao Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Bình Dương quản lý. Ngày 26/12/2018 Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo ra quyết định số 42/2018/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với bị cáo.

Từ khoảng đầu tháng 7 năm 2017 đến tháng 01 năm 2018, bị cáo Lê Đức T cho người dân trên địa bàn huyện Phú Giáo vay tổng số tiền là 528.000.000 đồng. Trong đó, bị cáo đã thu được số tiền 501.240.000 đồng tiền gốc và tổng số tiền lãi là 125.310.000 đồng (lãi hợp pháp theo quy định pháp luật là 6.961.667 đồng, lãi vượt quá quy định pháp luật là 118.348.333 đồng), tiền phí dịch vụ là 31.700.000 đồng. Còn lại tổng số tiền gốc là 26.760.000 đồng bị cáo chưa thu được. Cụ thể, bị cáo Lê Đức T cho những người sau vay:

01. Bà Dương Thị Lệ C vay 04 lần với tổng số tiền 120.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Cúc đã trả cho bị cáo tiền gốc là 120.000.000 đồng, tiền lãi 30.000.000 đồng (trong đó: thu lãi hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 1.666.667 đồng, lãi bất hợp pháp là 28.333.333 đồng), tiền phí là 3.200.000 đồng.

02. Bà Nguyễn Thị Th1 vay 04 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, trong thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Th1 đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 30.000.000 đồng. Bị cáo thu lãi hợp pháp là 416.667 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 7.083.033 đồng, tiền phí là 2.200.000 đồng.

03. Bà Trần Thị Th2 vay 06 lần với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, trong thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến cuối tháng 11 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Th2 đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 29.200.000 đồng, nợ gốc 800.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 405.556 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 6.894.444 đồng, tiền phí là 1.900.000 đồng.

04. Bà Trần Thị Th3 vay 05 lần với tổng số tiền là 60.000.000 đồng, trong thời gian từ ngày 15/7/2017 đến ngày 29/8/2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Th3 đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 58.200.000 đồng, nợ gốc 1.800.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 808.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 13.741.667 đồng, tiền phí là 4.800.000 đồng.

05. Bà Trần Thị Th4 vay 04 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, trong thời gian từ tháng 9 năm 2017 đến cuối tháng 10 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Th4 đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 39.200.000 đồng, nợ gốc 800.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 544.444 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 9.255.556 đồng, tiền phí là 2.600.000 đồng.

06. Bà Hoàng Thị Tâm L vay 04 lần với tổng số tiền là 40.000.000 đồng, trong thời gian từ tháng 8 năm 2017 đến tháng 10 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Lan đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 40.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 555.556 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 9.444.444 đồng, tiền phí là 2.600.000 đồng.

07. Bà Lê Thị Kim L1 vay 02 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, trong thời gian tháng 9 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà L1 đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 15.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 208.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 3.541.667 đồng, tiền phí là 1.200.000 đồng.

08. Bà Lê Thị A vay 05 lần với tổng số tiền là 23.000.000 đồng, trong thời gian tháng 9 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà A đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 9.240.000 đồng, nợ gốc 13.760.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 128.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 2.181.667 đồng, tiền phí là 1.900.000 đồng.

09. Bà Lê Thị Kim Ng vay số tiền là 5.000.000 đồng vào cuối tháng 9 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Ng đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 5.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 69.444 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 1.180.556 đồng, tiền phí là 250.000 đồng.

10. Bà Nguyễn Thị S vay 02 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian tháng 10 và tháng 11 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà S đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 15.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 208.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 3.541.667 đồng, tiền phí là 1.200.000 đồng.

11. Bà Lâm Thị Ngọc H vay 03 lần với tổng số tiền là 15.000.000 đồng, trong thời gian từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 11 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Hiếu đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 5.400.000 đồng, nợ gốc 9.600.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 75.000 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 1.275.000 đồng, tiền phí là 1.200.000 đồng.

12. Bà Lê Thị U vay số tiền 5.000.000 đồng vào khoảng tháng 11 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà U đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 5.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 69.444 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 1.180.556 đồng, tiền phí là 250.000 đồng.

13. Ông Lê Văn T vay 02 lần tổng số tiền 60.000.000 đồng, trong thời gian tháng 9 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, ông T đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 60.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 833.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 14.166.667 đồng, tiền phí là 3.000.000 đồng.

14. Bà Trương Hoài Y vay 02 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian tháng 10 và tháng 11 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà Y đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 15.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 208.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 3.541.667 đồng, tiền phí là 1.200.000 đồng.

15. Bà Trương Hoài T1 vay 02 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian tháng 9 và tháng 10 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, ông T đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 15.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 208.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 3.541.667 đồng, tiền phí là 1.200.000 đồng.

16. Bà Nguyễn Thị Minh H1 vay 02 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian tháng 10 đến tháng 12 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà H1 đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 15.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 208.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 3.541.667 đồng, tiền phí là 1.000.000 đồng.

17. Bà Võ Thị H2 vay số tiền 5.000.000 đồng, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà H2 đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 5.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 69.444 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 1.180.556 đồng, tiền phí là 250.000 đồng.

18. Bà Đinh Thị Tuyết M vay số tiền 5.000.000 đồng, trong khoảng tháng 8 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà M đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 5.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 69.444 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 1.180.556 đồng, tiền phí là 400.000 đồng.

19. Bà Nguyễn Thị G vay 03 lần tổng số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian từ khoảng đầu tháng 7 năm 2017 đến cuối tháng 8 năm 2017, hình thức vay trả góp 25 ngày, bà G đã trả cho bị cáo T tiền gốc là 15.000.000 đồng. Bị cáo T thu lãi hợp pháp là 208.333 đồng, lãi suất bất hợp pháp là 3.541.667 đồng, tiền phí là 1.200.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Giáo thu giữ:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel Model A119, có số Imei 301014150231592, có gắn sim số 07933xxxxx ;

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko có số Imei 1 là 25632409016491, số Imei 2 là 356324090836499 có gắn sim số 0945aaaaaa.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSPG ngày 14/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Đức T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo T trình bày: Trong thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 01/2018 bị cáo đã cho vay lãi nặng dưới hình thức “cho vay tiền góp” đối với 19 trường hợp ở địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Tổng cộng số tiền cho vay là 501.240.000 đồng, số tiền lãi thu được là 118.348.333 đồng với mức lãi suất cao hơn 10 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố của Cáo trạng, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả, hành vi phạm tội, xử lý vật chứng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, cho các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 201, các điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Đức T từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên:

- + Tịch thu sung ngân sách Nhà nước:
 - 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel Model A119, có số Imei 301014150231592, có gắn sim số 07933xxxxx.
 - Số tiền gốc 501.240.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp đã thu được là 6.961.667 đồng, số tiền phí thu được là 31.700.000 đồng.
 - Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền nợ gốc còn thiếu chưa trả cho bị cáo để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau:

Bà Trần Thị Th2 nộp lại số tiền 800.000 đồng,
 Bà Trần Thị Th3 nộp lại số tiền 1.800.000 đồng,
 Bà Trần Thị Th4 nộp lại số tiền 800.000 đồng,
 Bà Lê Thị A nộp lại số tiền 13.760.000 đồng,
 Bà Lâm Thị Ngọc H nộp lại số tiền 9.600.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko có số Imei 1 là 25632409016491, số Imei 2 là 356324090836499 có gắn sim số 0945aaaaaa.

+ Buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi bất hợp pháp (phần lãi vượt quá 20%/năm) mà bị cáo thu được của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cụ thể như sau:

Bà Dương Thị Lệ C số tiền 28.333.333 đồng,
 Bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 7.083.333 đồng,
 Bà Trần Thị Th2 số tiền 6.894.444 đồng,
 Bà Trần Thị Th3 số tiền 13.741.667 đồng,
 Bà Trần Thị Th4 số tiền 9.255.556 đồng,
 Bà Hoàng Thị Tâm L số tiền 9.444.444 đồng,
 Bà Lê Thị Kim L1 số tiền 3.541.667 đồng,
 Bà Lê Thị A số tiền 2.181.667 đồng,
 Bà Lê Thị Kim Ng số tiền 1.180.556 đồng,
 Bà Lâm Thị Ngọc H số tiền 1.275.000 đồng,
 Ông Lê Văn T số tiền 14.166.667 đồng,
 Bà Trương Hoài Y số tiền 3.541.667 đồng,
 Bà Trương Hoài T1 số tiền 3.541.667 đồng,
 Bà Nguyễn Thị Minh H1 số tiền 3.541.667 đồng,
 Bà Đinh Thị Tuyết M số tiền 1.180.556 đồng,
 Bà Nguyễn Thị G số tiền 3.541. 667 đồng.

Phản tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, đồng ý với tội danh, mức hình phạt và các biện pháp tư pháp mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

Trong lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo ăn năn hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an huyện Phú Giáo, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2017 đến tháng 01/2018, trên địa bàn huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương bị cáo Lê Đức T đã cho vay lãi nặng dưới hình thức “cho vay tiền góp” đối với 19 trường hợp, tổng cộng số tiền cho vay là 501.240.000 đồng, số tiền lãi thu được là 125.310.000 đồng (số tiền lãi suất hợp pháp theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm (0,0548%/ngày) 6.961.667 đồng, số tiền lãi thu lợi bất chính là 118.348.333 đồng), số tiền phí thu được là 31.700.000 đồng. Bị cáo đã thu lợi bất chính tổng số tiền 150.048.333 đồng (phí là: 31.700.000 đồng, lãi là: 118.348.333 đồng). Với phương thức cho vay như trên, bị cáo đã cho vay với mức lãi suất gấp 05 lần trở lên (18 lần) của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và thu lợi bất chính 18.348.333 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận: Nội dung Cáo trạng mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo công bố tại phiên tòa không khác so với Cáo trạng mà bị cáo đã nhận và phù hợp với diễn biến sự việc, hành vi của bị cáo.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Về nhận thức, bị cáo biết được hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo đã lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để cho vay với lãi suất cao hơn 10 lần mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân mà còn làm ảnh hưởng tới an ninh trật tự tại địa phương.

Với các tình tiết của vụ án được chứng minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ kết luận bị cáo Lê Đức T đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Xét động cơ, mục đích phạm tội vì tham lam, tư lợi, muốn có tiền tiêu xài để thỏa mãn nhu cầu cá nhân nhưng lười lao động nên bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời nêu gương phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về xử lý vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel Model A119, có số Imei 301014150231592, có gắn sim số 07933xxxxx do bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko có số Imei 1 là 25632409016491, số Imei 2 là 356324090836499 có gắn sim số 0945aaaaaa không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

+ Đối với số tiền gốc bị cáo cho vay đã thu được là 501.240.000 đồng, số tiền lãi hợp pháp đã thu được là 6.961.667 đồng, số tiền phí thu được là 31.700.000 đồng. Xét thấy đây là tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và do phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền lãi bất hợp pháp 118.348.333 đồng (phần lãi vượt quá 20%/năm) mà bị cáo thu được của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cần buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, riêng đối với bà Lê Thị U, bà Nguyễn Thị S, bà Võ Thị H2 cho bị cáo tiền lãi, không yêu cầu bị cáo trả lại nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của bà U, bà S, bà H2. Bị cáo phải có trách nhiệm trả cho những người sau:

Bà Dương Thị Lệ C số tiền 28.333.333 đồng,
 Bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 7.083.333 đồng,
 Bà Trần Thị Th2 số tiền 6.894.444 đồng,
 Bà Trần Thị Th3 số tiền 13.741.667 đồng,
 Bà Trần Thị Th4 số tiền 9.255.556 đồng,
 Bà Hoàng Thị Tâm L số tiền 9.444.444 đồng,
 Bà Lê Thị Kim L1 số tiền 3.541.667 đồng,
 Bà Lê Thị A số tiền 2.181.667 đồng,
 Bà Lê Thị Kim Ng số tiền 1.180.556 đồng,
 Bà Lâm Thị Ngọc H số tiền 1.275.000 đồng,
 Ông Lê Văn T số tiền 14.166.667 đồng,
 Bà Trương Hoài Y số tiền 3.541.667 đồng,
 Bà Trương Hoài T1 số tiền 3.541.667 đồng,
 Bà Nguyễn Thị Minh H1 số tiền 3.541.667 đồng,
 Bà Đinh Thị Tuyết M số tiền 1.180.556 đồng,
 Bà Nguyễn Thị G số tiền 3.541. 667 đồng.

+ Đối với số tiền nợ gốc còn thiếu mà những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo cần buộc nộp lại để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

Bà Trần Thị Th2 nộp lại số tiền 800.000 đồng,
 Bà Trần Thị Th3 nộp lại số tiền 1.800.000 đồng,
 Bà Trần Thị Th4 nộp lại số tiền 800.000 đồng,
 Bà Lê Thị A nộp lại số tiền 13.760.000 đồng,
 Bà Lâm Thị Ngọc H nộp lại số tiền 9.600.000 đồng.

+ Đối với các giấy tờ là chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu phô tô bị cáo nhận của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bị cáo đã đốt hết nên HĐXX không có cơ sở xem xét đối với các chứng cứ này.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt và các tình tiết khác đối với bị cáo cũng như về xử lý vật chứng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Xét ý kiến tranh luận của bị cáo, lời nói sau cùng của bị cáo: Ý kiến, lời nói sau cùng của bị cáo về tội danh, về hình phạt là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Đức T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

II. Về hình phạt:

1. Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Đức T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/5/2019.

III. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

1/ Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà Nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Masstel Model A119, có số Imei 301014150231592, có gắn sim số 07933xxxxx.

2/ Trả lại cho bị cáo Lê Đức T: 01 (một) điện thoại di động hiệu Wiko có số Imei 1 là 25632409016491, số Imei 2 là 356324090836499 có gắn sim số 0945aaaaaa.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng 16/8/2019 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Phú Giáo và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo).

IV. Về trách nhiệm dân sự:

1. Buộc bị cáo Lê Đức T phải giao nộp số tiền 501.240.000đ (năm trăm lẻ một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) là tiền gốc bị cáo đã nhận của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và số tiền lãi hợp pháp đã thu được là 6.961.667 đồng (sáu triệu chín trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) cùng số tiền phí

thu được là 31.700.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm đồng) tịch thu vào ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền bị cáo phải nộp là 539.901.667 đ (năm trăm ba mươi chín triệu chín trăm lẻ một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nộp lại số tiền gốc còn nợ của bị cáo để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

Bà Trần Thị Th2 nộp lại số tiền 800.000 đ (tám trăm nghìn đồng),

Bà Trần Thị Th3 nộp lại số tiền 1.800.000 đ (một triệu tám trăm nghìn đồng),

Bà Trần Thị Th4 nộp lại số tiền 800.000 đ (tám trăm nghìn đồng),

Bà Lê Thị A nộp lại số tiền 13.760.000 đ (mười ba triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng),

Bà Lâm Thị Ngọc H nộp lại số tiền 9.600.000 đ (chín triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Buộc bị cáo Lê Đức T phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với khoản lãi bất hợp pháp mà bị cáo đã nhận, cụ thể như sau:

Bà Dương Thị Lệ C số tiền 28.333.333 đ (hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng),

Bà Nguyễn Thị Th1 số tiền 7.083.333 đ (bảy triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng),

Bà Trần Thị Th2 số tiền 6.894.444 đ (sáu triệu tám trăm chín mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng),

Bà Trần Thị Th3 số tiền 13.741.667 đ (mười ba triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng),

Bà Trần Thị Th4 số tiền 9.255.556 đ (chín triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng),

Bà Hoàng Thị Tâm L số tiền 9.444.444 đ (chín triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng),

Bà Lê Thị Kim L1 số tiền 3.541.667 đ (ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng),

Bà Lê Thị A số tiền 2.181.667 đ (hai triệu một trăm tám mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng),

Bà Lê Thị Kim Ng số tiền 1.180.556 đ (một triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng),

Bà Lâm Thị Ngọc H số tiền 1.275.000 đ (một triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng),

Ông Lê Văn T số tiền 14.166.667 đ (mười bốn triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng),

Bà Trương Hoài Y số tiền 3.541.667 đ (ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng),

Bà Trương Hoài T1 số tiền 3.541.667 đ (ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng),

Bà Nguyễn Thị Minh H1 số tiền 3.541.667 đ (ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng),

Bà Đinh Thị Tuyết M số tiền 1.180.556 đ (một triệu một trăm tám mươi nghìn năm trăm năm mươi sáu đồng),

Bà Nguyễn Thị G số tiền 3.541.667 đ (ba triệu năm trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng),

V. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

VI. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Đức T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

VII. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Công an huyện Phú Giáo;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền